

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:
34/2020/KDTM-ST
Ngày: 14/7/2020
V/v tranh chấp Hợp đồng gia
công.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TP.HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Yến Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồi

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 23/2018/TLST- KDTM ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng gia công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2020/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2020/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH L

Địa chỉ: Lô XX đường số YY, KCN TT, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huang C H

Địa chỉ: Lô XX đường số YY, KCN TT, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Bà Phạm Thị V

Địa chỉ: Số AA đường BB, phường TT quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.

Trụ sở: MM ấp T 2, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lee J M

Địa chỉ: Số CC lâu OO, chung cư T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phạm Thị V trình bày:

Ngày 24/11/2017 Công ty TNHH L ký hợp đồng gia công bán thành phẩm trên miếng nón với Công ty TNHH T tại hai hợp đồng gia công số 01/TAKO – LH/2017 ngày 24/11/2017 và hợp đồng số 02/TAKO – LH/2017 ngày 11/12/2017. Sau khi ký hợp đồng xong, Công ty TNHH L đã thực hiện nghĩa vụ gia công thành phẩm trên miếng đã ký kết với bị đơn. Số tiền công gia công tại hai hợp đồng này là 31.917.310 đồng (*hợp đồng số 01 có giá trị là 14.125.822 đồng, hợp đồng số 02 có giá trị là 17.791.488 đồng*). Tuy nhiên, cho đến nay phía Công ty TNHH T chưa thanh toán chi phí thù lao cho Công ty TNHH L theo hai hợp đồng đã ký dù đã liên hệ để yêu cầu Công ty TNHH T thanh toán nhiều lần nhưng Công ty TNHH T vẫn không có thiện chí trả nợ, sau đó thì không liên lạc được cho đến khi khởi kiện. Do đó, Công ty TNHH L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty TNHH L số tiền còn nợ là 31.917.310 đồng, thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập bị đơn Công ty TNHH T để tổ chức phiên hoà giải nhưng Công ty TNHH T vẫn vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án và thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa cho thấy Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định do Bộ luật Tố tụng dân sự đã quy định.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu của Công ty TNHH L là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Công ty TNHH L khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty TNHH L số tiền gia công hàng hóa là mặt hàng bán thành phẩm trên miếng nón với số tiền gia công còn nợ là 31.917.310 đồng. Do đó, tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng gia công hàng hóa được quy định

từ Điều 178 đến Điều 183 Luật Thương mại 2005, từ các Điều 542 đến Điều 553 Bộ luật dân sự 2015. Bị đơn là Công ty TNHH T có trụ sở chính tại MM ấp T 2, xã T, huyện H, TP. HCM nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về thời hiệu khởi kiện giải quyết vụ án:

Về thời hiệu khởi kiện: Hai bên phát sinh quan hệ gia công hàng hóa từ tháng 11/2017, đến tháng 12/2017 bị đơn là Công ty TNHH T vi phạm nghĩa vụ thanh toán và không thực hiện việc thanh toán tiền gia công hàng hóa còn nợ cho nguyên đơn, đến ngày 01/12/2018 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gia công hàng còn nợ. Như vậy, đơn khởi kiện của nguyên đơn còn thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 03 năm theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền là bà Phan Thị V yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền bị đơn còn nợ là 31.917.310 đồng, yêu cầu thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa nguyên đơn là Công ty TNHH L do Ông Huang C H, địa chỉ: Lô XX đường số YY, KCN TT, quận B, TPHCM làm đại diện theo pháp luật có ký hai hợp đồng gia công bán thành phẩm trên miếng nón với bị đơn là Công ty TNHH T do Ông Lee J M làm đại diện theo pháp luật. Chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thể hiện tại hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp là hai hợp đồng gia công số: 01/TAKO-LH/2017 ngày 24/11/2017 và 02/TAKO-LH/2017 ngày 11/12/2017. Số tiền gia công mà bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn theo hợp đồng gia công số 01 ngày 24/11/2017 là 14.125.822 đồng (*hóa đơn giá trị gia tăng số 0001468 ngày 22/12/2017*) và hợp đồng gia công số 01 ngày 11/12/2017 là 17.791.488 đồng (*hóa đơn giá trị gia tăng số 0001487 ngày 26/01/2018*), tổng cộng là 31.917.310 đồng. Việc chưa thanh toán tiền gia công cho nguyên đơn được bị đơn thừa nhận và hẹn trả nợ vào ngày 27/6/2018 bằng thư tay ghi ngày 31/5/2018 của ông Lee J M, là đại diện theo pháp luật của bị đơn, đóng dấu của bị đơn là Công ty TNHH T. Tuy nhiên, từ thời điểm đó đến nay bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn số tiền này và nguyên đơn cũng không thể liên lạc được với bị đơn để đòi tiền. Việc thiếu thiện chí trả nợ của bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền công cho nguyên đơn được quy định tại Điều 552 Bộ luật dân sự và quyền được nhận thù lao gia công và các chi phí hợp lý khác của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 182 Luật Thương mại. Do đó, việc nguyên đơn xác định giữa đôi bên có ký hợp đồng gia công và phát sinh nợ tiền gia công như đơn khởi kiện và yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gia công còn nợ 31.917.310 đồng là có cơ sở. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, triệu tập hợp lệ bị đơn đến tòa án tiến hành hòa giải để giải quyết vụ kiện với nguyên đơn nhưng bị đơn không đến tòa án để làm việc. Do đó, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy cần đưa vụ án ra xét xử vắng mặt

bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền gia công chưa thanh toán cho nguyên đơn.

[4] Về ý kiến của VKSND huyện H đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

Từ những nhận định như trên, xét yêu cầu của phía nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, do đó Hội đồng xét xử quyết định buộc bị đơn có trách nhiệm phải trả cho nguyên đơn số tiền là 31.917.310 đồng, thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 178, 179, 180, 181, 182 và Điều 183 Luật Thương mại 2005;

Các Điều 429, 542, 547 và 552 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương Mại.

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn là Công ty TNHH Tdo ông Lee J M là đại diện theo pháp luật có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là Công ty TNHH L do ông Huang C H số nợ gia công hàng hóa là 31.917.310 (*ba mươi một triệu chín trăm mười bảy nghìn ba trăm mười*) đồng. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn là Công ty TNHH L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn là Công ty TNHH T chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán trên số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn là Công ty TNHH T chịu 3.000.000 (*ba triệu*) đồng, thi hành tại Chi cục Thi hành án có thẩm quyền. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 (*một triệu năm trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0004132 ngày 20/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc từ ngày Bản sao Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKDND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Yến Ngọc